BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2020

Trung Quốc

Lào

Campuchia

Quần đảo Hoàng Sa
(huyện Hoàng Sa-thành phố Đà Nẵng-Việt Nam)

Quần đảo Trường Sa
(huyện Trường Sa-tỉnh Khánh Hòa-Việt Nam)

KÝ HIỆU

Đô thị năm 2020

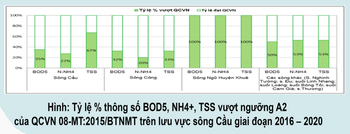
- ĐB Đặc biệt
- 1 Loại I TW
- 1 Loại I
- 2 Loại II
- 3 Loại III

Vùng nguy cơ thiên tai

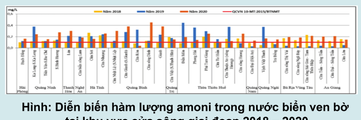
- Cao
- Trung bình
- Thấp
- Rất thấp

Khu bảo tồn

- Khu bảo tồn loài và sinh cảnh
- Khu bảo tồn thiên nhiên
- Khu bảo vệ cảnh quan
- Rừng đặc dụng
- Vùng đất ngập nước
- Vườn quốc gia



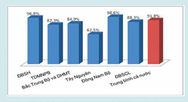
Hình: Tỷ lệ % thông số BOD5, NH4+, TSS vượt ngưỡng A2 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT trên lưu vực sông Cầu giai đoạn 2016 – 2020



Hình: Diễn biến hàm lượng amoni trong nước biển ven bờ tại khu vực cửa sông giai đoạn 2018 – 2020



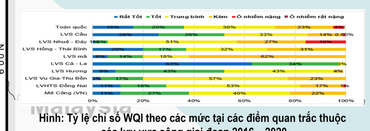
Hình. Chỉ tiêu đất đô thị ở các vùng kinh tế năm 2020



Hình: Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực đô thị (theo vùng, 2019)



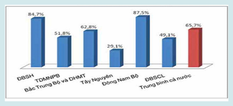
Tỷ lệ khối lượng CTRSH các vùng năm 2019



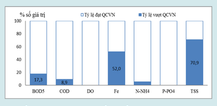
Hình: Tỷ lệ chỉ số WQI theo các mức tại các điểm quan trắc thuộc các lưu vực sông giai đoạn 2016 – 2020



Hình: Diễn biến nồng độ giá trị PM25 trung bình năm tại một số trạm quan trắc tự động, liên tục



Hình : Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn (theo vùng, 2019).



Hình. Tỷ lệ % số giá trị thông số chất lượng nước vượt ngưỡng A2 của QCVN 08 - MT:2015/BTNMT trên lưu vực sông Hồng Thái Bình giai đoạn 2016 - 2020

Tên quy hoạch: QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THỜI KỲ 2021 - 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050		
Tên bản đồ, bản đồ: **BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2020** TỶ LỆ: 1/250.000 *(Kèm theo hồ sơ trình thẩm định, trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch tại Tờ trình số.....ngày.....tháng.....năm.... của hoặc đã cập nhật, bổ sung, hoàn thiện theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch số.....ngày.....tháng.....năm.... của.....)*		
BỘ XÂY DỰNG *Hà Nội, ngày.... tháng ..... năm....*	CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ *Hà Nội, ngày.... tháng ..... năm....*	VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA *Hà Nội, ngày.... tháng ..... năm....*
Hệ tọa độ: VN-2000 Giai đoạn quy hoạch: Trình phê duyệt Nguồn tài liệu:.....		

TỶ LỆ BẢN ĐỒ: 1:250.000

30 15 0 30 Km